

Số: 60 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

**Điều 2.** Giao cho Trường Đại học Kinh tế tổ chức đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng theo đúng Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. *Đu*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, T10.



Nguyễn Kim Sơn

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

## PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- **Tên chuyên ngành đào tạo:**
  - + Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng
  - + Tiếng Anh: Finance - Banking
- **Mã số chuyên ngành đào tạo:** 60340201
- **Tên ngành đào tạo:**
  - + Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng
  - + Tiếng Anh: Finance - Banking
- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
  - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng
  - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Finance - Banking
- **Đơn vị đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng định hướng ứng dụng cung cấp cho người học kiến thức lí thuyết nền tảng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng tương tự như chương trình Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng định hướng nghiên cứu; tuy nhiên, tập trung hơn vào thực hành nghiệp vụ và rèn luyện khả năng xử lí các tình huống thực tiễn trong công việc; khơi dậy năng lực làm việc độc lập, sáng tạo của học viên.

Bên cạnh đó, với kiến thức và các phẩm chất được trang bị sau khi tốt nghiệp, học viên có năng lực điều hành và tổ chức thực thi các hoạt động kinh doanh của các ngân hàng, các tổ chức tài chính và tổ chức xã hội khác.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Hình thức tuyển sinh**

- Thi tuyển với các môn thi sau đây:
  - + Môn thi Cơ bản: Toán Kinh tế
  - + Môn thi Cơ sở: Kinh tế học
  - + Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh.

#### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

##### *3.2.1. Điều kiện văn bằng*

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ);
- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 9 học phần (27 tín chỉ).

##### *3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác*

- Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay;
- Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi.

#### **3.3. Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần**

- Danh mục các ngành phù hợp: Kinh tế (có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng);
- Danh mục các ngành gần: Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng); Quản trị Kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Bảo hiểm; Kinh tế quốc tế; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị nhân lực. *dh*

### 3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gắn với ngành Tài chính – Ngân hàng, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

+	Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế học tiền tệ - ngân hàng	(3 tín chỉ)
+	Quản trị ngân hàng thương mại	(3 tín chỉ)
+	Tài chính doanh nghiệp 1	(3 tín chỉ)

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gắn với ngành Tài chính – Ngân hàng, danh mục các học phần bổ sung kiến thức 9 học phần (27 tín chỉ):

+	Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+	Kinh tế học tiền tệ - ngân hàng	(3 tín chỉ)
+	Quản trị ngân hàng thương mại	(3 tín chỉ)
+	Tài chính doanh nghiệp 1	(3 tín chỉ)
+	Đầu tư tài chính	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý kế toán	(3 tín chỉ)
+	Nguyên lý marketing	(3 tín chỉ)
+	Tín dụng ngân hàng	(3 tín chỉ)


## PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

#### 1.1. Kiến thức chuyên môn

Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có tư duy phân biện; có kiến thức lí thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lí và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

##### 1.1.1. Kiến thức cơ sở

Nắm vững kiến thức tổng hợp về tài chính - ngân hàng nhằm đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và nâng cao trình độ học tập. 

### 1.1.2. Kiến thức chuyên ngành

- Hiểu, phân tích và luận giải được kiến thức chuyên ngành chuyên sâu về tài chính, ngân hàng như tài trợ, đầu tư, quản trị rủi ro trong các định chế tài chính, các quyết định sáp nhập và mua lại, quản trị ngân hàng...

- Vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành trong bối cảnh kinh tế vĩ mô của nền kinh tế, để từ đó có thể ra các quyết định đúng đắn trong ngắn hạn/dài hạn hoặc đưa ra các quyết định tư vấn phù hợp cho các doanh nghiệp, ngân hàng và các định chế tài chính đó.

- Ứng dụng kiến thức thực tế và thực tập trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng để hoàn thiện và nâng cao nghiệp vụ thuộc lĩnh vực đào tạo.

### 1.1.3. Yêu cầu đối với luận văn

- Trên cơ sở vận dụng các vấn đề lí thuyết, luận văn phải phát hiện và tập trung giải quyết được một hoặc một vài vấn đề thực tiễn. Từ đó, đề xuất các giải pháp hoặc kiến nghị giúp giải quyết vấn đề đã đưa ra. Các giải pháp phải chứng tỏ quan điểm của cá nhân của học viên và có tính khả thi.

## 1.2. Năng lực chuyên môn

- Triển khai được chiến lược quản lí vốn và danh mục đầu tư; xây dựng được các kế hoạch về mua bán và sáp nhập; thiết lập được chương trình quản trị rủi ro tài chính cho doanh nghiệp, ngân hàng và các định chế tài chính khác.

- Triển khai được các vấn đề quản trị nguồn vốn, quản trị tài sản – nợ, quản trị thanh khoản, quản trị danh mục đầu tư trong doanh nghiệp, ngân hàng và các định chế tài chính.

- Am hiểu các vấn đề tài chính ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp, ngân hàng và các định chế tài chính khác; ứng dụng các kiến thức chuyên môn hiện đại một cách có hệ thống để giải quyết các vấn đề tài chính phát sinh.

- Triển khai được các vấn đề hoạt động ngân hàng quốc tế như thị trường tài chính và thị trường vốn quốc tế, hoạt động đầu tư quốc tế, các tổ chức giám sát hoạt động ngân hàng và tài chính quốc tế.

- Phát hiện và phân tích được các vấn đề về thuế, chi tiêu chính phủ và hoạch định ngân sách nhà nước.

- Lên kế hoạch và triển khai thực hiện các nghiệp vụ thuộc lĩnh vực tài chính - ngân hàng trong phạm vi công việc đảm nhận.

### **1.3. Trình độ ngoại ngữ**

- Chuẩn trình độ ngoại ngữ đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành tài chính - ngân hàng tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành tài chính – ngân hàng; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ;

### **1.4. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm**

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường cạnh tranh.

- Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

- Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp nảy sinh trong thực tiễn trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể

- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn tại trong tổ chức.

## **2. Chuẩn về kỹ năng**

### **2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

- Có khả năng hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách, chiến lược và dự án trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

- Vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.


- Kỹ năng tự đào tạo để thích ứng với những yêu cầu đa dạng của thực tiễn công tác.

### **2.2. Kỹ năng bổ trợ**

- Có khả năng làm việc độc lập, mạnh dạn, sáng tạo.

- Có khả năng phối hợp, làm việc nhóm, cộng tác chia sẻ để hoàn thành nhiệm vụ.

- Có kỹ năng quản lý và lãnh đạo.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt. 

- Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn với trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phục vụ công tác chuyên môn (Excel, EViews, SPSS...).

### **3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức**

#### **3.1. Trách nhiệm công dân**

- Tôn trọng pháp luật, có lối sống tích cực, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng.

#### **3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ**

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Có ý thức trách nhiệm trong công việc; tự tin, sáng tạo; tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt.
- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, cẩn thận, đáng tin cậy, tuân thủ kỷ luật của tổ chức, tác phong làm việc chuyên nghiệp.

#### **3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề**

- Có ý thức phát triển nghề nghiệp, có ý thức chấp hành tốt các chế độ, chính sách về quản lý tài chính.
- Có ý thức xây dựng hình ảnh đẹp về cán bộ tài chính - ngân hàng.

### **4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

**Nhóm 1** – Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng phó bộ phận phụ trách tài chính - kế toán làm việc tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính (công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư...), các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.

**Nhóm 2** – Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng nhóm phân tích và tư vấn tài chính làm việc tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính (công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư...), các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác.

### **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở bậc học cao hơn.

### **6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế (đơn vị đào tạo tham khảo)**

- Chương trình Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng định hướng ứng dụng đã tham khảo chương trình của trường Wharton, Mỹ. Các học phần của chương trình của trường Wharton được đăng tải tại website <http://www.wharton.upenn.edu/>

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

- Tổng số tín chỉ: **64 tín chỉ, trong đó:**
- Khối kiến thức chung: *8 tín chỉ*
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **47 tín chỉ**
  
- + *Bắt buộc:* *26 tín chỉ*
- + *Tự chọn:* *21 tín chỉ/ 47 tín chỉ*
- Luận văn : **9 tín chỉ**

### 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản (*) <i>English for General Purposes</i>	4	40	20	0	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>47</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>26</b>				
3	FIB 6001	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lí thuyết và thực tiễn <i>Money, Banking and Financial Markets: Theory and Practice</i>	3	30	15	0	
4	FIB 6002	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao <i>Advanced Commercial Bank Management</i>	3	30	15	0	FIB 6003
5	FIB 6032	Ngân hàng quốc tế nâng cao <i>Advanced International Banking</i>	3	30	15	0	FIB 6002
6	FIB 6040	Tài chính cá nhân <i>Personal Finance</i>	3	30	15	0	



TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
7	FIB 6004	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư <i>Investment Analysis and Portfolio Management</i>	3	30	15	0	
8	FIB 6003	Tài chính doanh nghiệp nâng cao <i>Advanced Corporate Finance</i>	3	30	15	0	
9	FIB6037	Tài chính công nâng cao <i>Advanced Public Finance</i>	3	30	15	0	FIB 6001
10	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	20	10	0	
11	FIB 6039	Thực tập thực tế <i>Intership</i>	3	0	45	0	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>21/47</b>				
12	FIB 6029	Quản trị tài chính ngắn hạn <i>Short- term Finance Management</i>	3	30	15	0	FIB 6003
13	FIB 6012	Phân tích đầu tư bất động sản <i>Real Estate Investment Analysis</i>	2	20	10	0	
14	FIB 6115	Phân tích tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Analysis</i>	3	30	15	0	FIB 6003
15	FIB 6035	Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính <i>Risk management in financial Institutions</i>	3	30	15	0	
16	FIB 6103	Tài chính phát triển <i>Development Finance</i>	3	30	15	0	
17	FIB 6010	Tài chính doanh nghiệp quốc tế <i>International Corporate Finance</i>	2	20	10	0	
18	FIB 6101	Thuế quốc tế <i>International Tax</i>	3	30	15	0	
19	FIB 6031	Giám sát hệ thống tài chính <i>Monitoring the financial</i>	2	20	10	0	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>system</i>					
20	FIB 6005	Các công cụ có thu nhập cố định <i>Fixed Income</i>	3	30	15	0	
21	FIB 6014	Các công cụ phái sinh <i>Derivatives</i>	2	20	10	0	
22	FIB 6038	Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao <i>Advanced Finance for Buyouts and Acquisitions</i>	2	20	10	0	
23	FIB 6008	Kế toán quản trị nâng cao <i>Advanced Management Accounting</i>	3	30	15	0	
24	FIB 6007	Kế toán tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Accounting</i>	3	30	15	0	
25	FIB 6030	Ngân hàng điện tử <i>E - banking</i>	2	20	10	0	FIB 6002
26	FIB 6034	Dịch vụ ngân hàng ưu tiên <i>Priority Banking Services</i>	2	20	10	0	
27	BSA 6005	Quản trị Marketing nâng cao <i>Advanced Marketing Management</i>	3	30	15	0	
28	BSA 6004	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced Strategic Management</i>	3	30	15	0	
29	FIB 6016	Kinh tế học quản lí <i>Managerial Economics</i>	3	30	15	0	
<b>III</b>	<b>FIB 7210</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>	<b>9</b>				
<b>Tổng cộng</b>			<b>64</b>				

**Ghi chú:** (\*) Học phần Tiếng Anh cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần Tiếng Anh không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.